

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-7-2018

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Đáng
2. Ông Trần Hồng Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Anh Lê Hữu H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* **Chị Thái Thị B**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2018 và biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, nguyên đơn, anh Lê Hữu H trình bày: Anh Lê Hữu H và chị Thái Thị B tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 01 ngày 15 tháng 3 năm 2010.

Trong thời gian chung sống, anh H và chị B có một người con chung tên Lê Thái K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2011, hiện đang sống với chị B; không tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chung sống, anh H và chị B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng, không có tiếng nói chung dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Vào tháng 8 năm 2015 anh H và chị B đã sống ly thân cho đến nay. Khi sống ly thân, gia đình hai bên có khuyên nhủ nhưng anh H và chị B không hàn gắn được. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị B. Khi ly hôn, anh H không yêu cầu được nuôi con mà đồng ý giao cháu K cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi; tài sản chung và nợ chung không có nên anh H không yêu cầu giải quyết.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn, chị Thái Thị B: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập chị B đến Tòa án, nhưng chị B không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của chị B đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh H cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị B. Giao cháu K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2011 cho chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của anh H và buộc anh H phải cấp dưỡng cho cháu K 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở. Tài sản chung và nợ chung, không có nên không đặt ra giải quyết. Anh H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị B và hiện nay chị B cư trú tại ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia hòa giải hai lần, nhưng cả hai lần chị B đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh Hậu có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị B vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị B.

[2] Về nội dung: Anh H và chị B chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 ngày 15 tháng 3 năm 2010 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về hôn nhân, anh H yêu cầu được ly hôn với chị B với lý do trong thời gian chung sống, anh H và chị B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng, không có tiếng nói chung dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, từ tháng 8 năm 2015 đến nay, anh H và chị B đã không còn duy trì cuộc sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà không có biện pháp gì khắc phục; điều này cho thấy, đời sống hôn nhân giữa anh H và chị B đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị B, cho anh H được ly hôn với chị B.

Về con chung, cháu K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2011, đã có cuộc sống ổn định, gắn bó với chị B kể từ thời điểm anh H và chị B không còn sống chung với nhau. Đồng thời, anh H cũng không có yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K mà đồng ý để chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu K, giao cháu K cho chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị B không thể hiện có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của anh H và buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2011 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định anh H và chị B chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Chị B không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí, anh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009340 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh H còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[3] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm 1.1 phần II mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hữu H đối với chị Thái Thị B, cho ly hôn giữa anh Lê Hữu H và chị Thái Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thái K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2011 cho chị Thái Thị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Hữu H về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, buộc anh Lê Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thái K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2011 với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11 tháng 7 năm 2018) cho đến khi cháu Lê Thái K tròn 18 (mười tám) tuổi.

Anh Lê Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Hữu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Anh Lê Hữu H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009340 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, anh Lê Hữu H còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- THADS huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Xuyên